

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày 26-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Liên.

Ông Nguyễn Minh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Hậu - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2024/TLST-HS ngày 03/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HS ngày 12/4/2024 đối với bị cáo:

- Nguyễn Văn T; tên gọi khác: Không; sinh năm 1960; nơi sinh: Thành Phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ A, thị trấn Nông trường V, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1924 (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1927; có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ: Hoàng Thị Đ, sinh năm 1959 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự ngày 03/11/2023 bị Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng P – T xử phạt hành chính về hành vi “Vận chuyển lâm sản trái phép”; nhân thân: Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại bản án hình sự số 20/2016/HSST ngày 15/8/2016 về tội “Vi phạm quy định về thác, bảo vệ rừng và lâm sản”; ngày 16/8/2022 bị Hạt kiểm lâm V xử phạt hành chính về hành vi “Vận chuyển lâm sản trái phép”; tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Phùng Viết H; sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ A, thị trấn Nông trường V, huyện V, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Bùi Thị H1; sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ A, thị trấn Nông trường V, huyện V, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/12/2023, Bùi Thị H1 đi chợ phiên tại xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang để buôn bán hàng hóa có gặp 02 người đàn ông lạ mặt (*không biết tên tuổi, địa chỉ*) đến mua hàng và hỏi H1 có nhu cầu mua thớt nghiến không và được H1 đồng ý. Sau đó H1 được dẫn đến địa điểm để thớt tại khu vực ven đường liên xã T đi xã T (*cách ngã ba chợ M đi xã T khoảng 01km*), sau khi nhìn thấy số thớt trên, H1 thỏa thuận giá cả là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) và hẹn với 02 người bán thớt trên khoảng 22 giờ cùng ngày sẽ đi từ nhà lên để lấy số thớt này. Khoảng 17 giờ cùng ngày, H1 đi đến nhà ông Phùng Viết H; sinh năm 1964 là người trong tổ để mượn ô tô đi chở hàng và được ông H đồng ý, sau đó H1 qua nhà Nguyễn Văn T để thuê T chở hàng cho mình với giá 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*). Khoảng 22 giờ, H1 cùng T qua nhà ông H để lấy xe ô tô nhưng ông H không ở nhà, T đã sử dụng chiếc xe ô tô màu xám, nhãn hiệu KIA; BKS: 22L-5745 của H để chở H1 đến địa điểm mua thớt tại xã M, huyện B Đến khoảng 24 giờ cùng ngày thì đến nơi, Hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) cho hai người đàn ông bán thớt đồng thời hai người đàn ông trên cùng nhau bốc thớt vào khoang ghế sau, lúc này T ngồi trên xe dù biết H1 thuê mình chở thớt nghiến nhưng T vẫn đồng ý tiếp tục chở thớt cho H1. Sau đó T điều khiển xe ô tô cùng H1 và số thớt trên đi theo hướng B ra thành phố H đến Km22 thuộc địa phận thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang thì bị Tổ công tác Công an huyện B phối hợp với Công xã Yên Định phát hiện và bắt giữ cùng toàn bộ tang vật.

Tại bản kết luận giám định số 27/CNR-VP ngày 17/01/2024 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng mẫu gỗ gửi giám định tên và nhóm gỗ: Tên Việt Nam: Nghiến. Tên khoa học: *Burretiodendron tonkinensis*. Loài N được xếp nhóm IIA trong “Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 22/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình huyện B định giá: 20 cục gỗ Nghiến đều tròn dạng thớt (nhóm IIA) có khối lượng **0,132m³** (*không phải một trăm ba mươi hai mét khối*) gỗ xẻ thành khí; Quy tròn = **0,211m³** (*không phải hai trăm mười một mét khối*) tổng giá trị là **1.716.000 đồng** (*Một triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng*).

Quá trình điều tra, xác minh xác nhận ngày 03/11/2023 Nguyễn Văn T đã bị Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng P - T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Vận chuyển lâm sản trái phép với số tiền phạt là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) Nguyễn Văn T đã nộp phạt đầy đủ nhưng chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

Tại Biên bản xác định hiện trường ngày 15/01/2024, Nguyễn Văn T, Bùi

Thị H1 đã chỉ dẫn vị trí tập kết số thớt tại đường liên xã M đi xã T hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, hồ sơ có trong vụ án.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại xe PRIDE màu sơn xám, biển kiểm soát 22L-5745, xe cũ đã qua sử dụng; 20 (hai mươi) cục gỗ Nghiến đẽo tròn dạng thớt, khối lượng **0,132m³** (không phải một trăm ba mươi hai mét khối) gỗ xẻ thành khí; Quy tròn = **0,211m³** (không phải hai trăm mười một mét khối).

Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xét thấy một số vật chứng của vụ án đã được chứng minh, làm rõ chủ sở hữu hợp pháp và xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, không cần tiếp tục tạm giữ nên trả cho ông Phùng Viết H 01 (một) xe ô tô con nhãn hiệu KIA, loại xe PRIDE màu sơn xám, biển kiểm soát 22L - 5745, xe cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong máy; chuyên 20 (hai mươi) cục gỗ Nghiến đẽo tròn dạng thớt, khối lượng: 0,132m³ (không phải một trăm ba mươi hai mét khối) gỗ xẻ thành khí; Quy tròn = 0,211m³ (không phải hai trăm mười một mét khối) sang Hạt kiểm lâm huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSBM ngày 02/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm m khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến của phiên tòa, trên cơ sở phân tích các căn cứ quyết định hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn T phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Hình phạt: Áp dụng điểm m khoản 1 Điều 232; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn T từ 07 đến 09 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

- Về vật chứng: Không.

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Bị cáo nhất trí với toàn bộ quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, không có tranh luận đối đáp.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng và xin giảm nhẹ hình phạt, tạo điều

kiện cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phùng Viết H vắng mặt không có lý do. Xét thấy bị cáo, Kiểm sát viên đồng ý xét xử vắng mặt; trong hồ sơ đã có lời khai, việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, với biên bản xác định hiện trường, lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 23/12/2023 Nguyễn Văn T đã có hành vi vận chuyển trái phép 20 cục gỗ nghiến đẽo tròn dạng thớt, khối lượng **0,132m³** (*không phải một trăm ba mươi hai mét khối*) gỗ xẻ thành khí; Quy tròn = **0,211m³** (*không phải hai trăm mười một mét khối*) từ thôn N, xã M, huyện B ra thành phố H, khi đi đến địa phận thôn N, xã Y, huyện B thì bị phát hiện bắt giữ. Hành vi vận chuyển gỗ trái phép của bị cáo nằm trong mức xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 35/2019 NĐ-CP ngày 25/4/2019 sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 07/2022 NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, thú y, chăn nuôi, tuy nhiên trước đó ngày 03/11/2023 Nguyễn Văn T đã bị Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng P - T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép với số tiền phạt là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) Nguyễn Văn T đã nộp phạt đầy đủ nhưng tính đến ngày bị cáo phạm tội là ngày 23/12/2023 chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính lại tiếp tục vi phạm. Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm m khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Điều 232 BLHS quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

m) Khai thác, tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép gỗ hoặc thực vật rừng ngoài gỗ có khối lượng hoặc trị giá dưới mức quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm l khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

[4] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng tuy nhiên tính chất, mức độ, hậu quả là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, quy định của Nhà nước trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ rừng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi vận chuyển lâm sản khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép là trái pháp luật. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bị Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng P - T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Vận chuyển lâm sản trái phép nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục hành vi vận chuyển gỗ trái phép nhằm trục lợi cá nhân, thể hiện sự coi thường pháp luật do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung xét cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ thời gian để bị cáo cải tạo, rèn luyện trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét nhân thân và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhân thân xấu: Năm 2016 bị Tòa án nhân huyện V, tỉnh Hà Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về thác, bảo vệ rừng và lâm sản”; ngày 16/8/2022 bị Hạt kiểm lâm V xử phạt hành chính về hành vi “Vận chuyển lâm sản trái phép” vì vậy cần xử lý bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có thành tích góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc được Ban chấp hành Hội cựu thanh niên xung phong tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy Chứng nhận vào ngày 02/01/2015. Hiện bị cáo tuổi cao sức khỏe yếu, bị cáo đang điều trị mãn tính cao huyết áp và tiểu đường tại Bệnh viện đa khoa huyện V, tỉnh Hà Giang. Nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Bị cáo Nguyễn Văn T đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục ra quyết định áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo theo quy định tại điều 123, Điều 278 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không

[8] Trong vụ án này có hành vi liên quan:

Đối với 02 người đàn ông đã bán trái phép cho Bùi Thị H1 20 cục gỗ

nghiên đẽo tròn dạng thớt, khối lượng 0,132m³ gỗ xẻ thành khí; Quy tròn 0,211m³ với số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch của hai người trên, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đang tiếp tục xác minh làm rõ khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Bùi Thị H1 là người trực tiếp mua trái phép 20 cục gỗ nghiên đẽo tròn dạng thớt, khối lượng 0,132m³ gỗ xẻ thành khí; Quy tròn 0,211m³ với số tiền 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) và thuê T chở số gỗ nghiên trái phép trên, quá trình điều tra xét thấy khối lượng gỗ không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã chuyển hồ sơ cùng tang vật đề nghị Hạt Kiểm lâm huyện B xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu và người đại diện hợp pháp những vật chứng không liên quan đến vụ án là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 20 cục gỗ nghiên đẽo tròn dạng thớt, khối lượng 0,132m³ (*không phải một trăm ba mươi hai mét khối*) gỗ xẻ thành khí; Quy tròn = 0,211m³ (*không phải hai trăm mười một mét khối*) quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã chuyển hồ sơ và tang vật cho Hạt kiểm lâm huyện B xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Từ những căn cứ trên đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là có căn cứ được chấp nhận.

[12] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản ”.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm m khoản 1 Điều 232; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 07 (*Bảy*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không.

5. Về vật chứng: Không

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang
- VKSND huyện Bắc Mê;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Mê;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan THAHSCA huyện Bắc Mê;
- Chi cục THADS huyện Bắc Mê;
- Bị cáo; Người có QL,NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Hoàng Văn Thuận

